

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ  
CHUYÊN GIA**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 26

044  
CÔNG  
NHỊ  
KIỂM  
C VIỆ  
TP.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động và Chuyên Gia (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động Và Chuyên Gia là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301339815 ngày 30 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh lần thứ 07 được cấp ngày 22 tháng 09 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 92.000.000.000 VND.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Xuất khẩu thực phẩm. Mua bán hải sản, thực phẩm
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Lữ hành trong nước. Lữ hành quốc tế.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Xuất khẩu văn hóa phẩm ra nước ngoài để cung cấp cho người lao động Việt Nam ở nước ngoài. Mua bán hàng điện, điện tử, kim khí điện máy.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ dịch thuật, dịch tài liệu, sách báo. Phiên dịch.
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công may da, vải simili, lều bạt, nệm xe hơi.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông sản
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe hơi
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Giới thiệu việc làm.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dạy ngoại ngữ (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng – Đoàn thể).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 635A Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động và Chuyên Gia tại Vĩnh Long
- Trường Trung cấp nghề Suleco

### **2. Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị:**

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Thanh Thanh	Chủ tịch	21/10/2015
Ông Đặng Quang Tý	Thành viên	21/10/2015
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	23/06/2015
Ông Phạm Nguyễn Thiên Du	Thành viên	23/06/2015
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên	14/12/2016

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### ***Ban Kiểm soát:***

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phan Thị Minh Huyền	Trưởng ban	23/06/2015
Ông Võ Kiên Quốc	Thành viên	10/05/2016

### ***Ban Tổng giám đốc:***

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Tổng giám đốc	23/06/2015
Ông Phan Vũ Tuấn	Phó tổng giám đốc	30/06/2015
Ông Đặng Quang Tý	Phó tổng giám đốc	01/09/2016
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Phó tổng giám đốc	16/12/2016
Ông Phạm Quốc Thắng	Quyền Phó tổng giám đốc	01/09/2016

### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Mai Thanh Thanh	Việt Nam	Chủ tịch hội đồng quản trị

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **7. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Ông MAI THANH THANH  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Số. 27/2017/BCKT-HCM.00799

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động Và Chuyên Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động Và Chuyên Gia tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại mục 5.12 của Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty vẫn chưa quyết toán với Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh về những số dư công nợ phải thu, phải trả phát sinh khi Công ty cổ phần hóa.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động và Chuyên Gia cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 08 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần có đoạn nhấn mạnh đối với báo cáo tài chính này tại ngày 30 tháng 03 năm 2016.



**TRANG ĐẶC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

A blue ink signature, likely of Phạm Thị Ngọc Liên, written over a horizontal line.

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

15/03/2017  
Y  
U  
T  
N  
I  
N  
CH

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.214.750.176</b>	<b>35.050.775.996</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>27.977.463.827</b>	<b>15.637.919.511</b>
1. Tiền	111		15.977.463.827	15.637.919.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.202.150.000</b>	<b>10.576.063.396</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	4.151.776.400	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(949.626.400)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.576.063.396
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.974.603.392</b>	<b>8.198.701.294</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	31.598.000	5.789.770.920
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	47.540.000	126.266.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	1.895.465.392	2.282.663.574
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.060.532.957</b>	<b>638.091.795</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	104.342.346	414.713.647
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		956.190.611	223.378.148
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>90.749.070.703</b>	<b>95.925.378.751</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>40.293.182.352</b>	<b>39.836.997.500</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	40.293.182.352	39.836.997.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>30.379.896.645</b>	<b>32.252.976.745</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	30.284.438.304	32.157.936.743
- Nguyên giá	222		45.568.630.346	45.425.875.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.284.192.042)	(13.267.938.551)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	95.458.341	95.040.002
- Nguyên giá	228		191.350.000	128.350.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.891.659)	(33.309.998)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.075.991.706</b>	<b>23.835.404.506</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	20.075.991.706	23.835.404.506
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>124.963.820.879</b>	<b>130.976.154.747</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>41.409.853.123</b>	<b>38.870.228.788</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.600.300.372</b>	<b>29.560.450.362</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	119.572.452	20.301.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	211.863.638	1.329.946.249
4. Phải trả người lao động	314		1.774.177.411	2.974.547.112
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	1.471.881.520	481.959.242
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	23.953.383.109	20.684.273.841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.13	4.069.422.242	4.069.422.242
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.809.552.751</b>	<b>9.309.778.426</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	9.809.552.751	9.309.778.426
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

C.P.

TỔNG CỘNG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>83.553.967.756</b>	<b>92.105.925.959</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>83.553.967.756</b>	<b>92.105.925.959</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.000.000.000	92.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.000.000.000	92.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.539.102	23.539.102
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.469.571.346)	82.386.857
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.386.857	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(8.551.958.203)	82.386.857
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>124.963.820.879</b>	<b>130.976.154.747</b>



**ĐẶNG VÕ THÙY TÂM**  
Người lập biểu



**LÊ THỊ THU TRANG**  
Kế toán trưởng




**LÊ THỊ MỸ HẠNH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>23.515.567.404</b>	<b>10.244.637.409</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.879.463.227	46.575.457
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	6.1	<b>18.636.104.177</b>	<b>10.198.061.952</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.469.414.452	4.108.875.645
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>9.166.689.725</b>	<b>6.089.186.307</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.429.795.396	493.799.774
Chi phí tài chính	22	6.4	1.087.639.350	18.612.059
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	8.025.094.231	2.095.780.954
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.947.996.852	4.263.019.584
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(8.464.245.312)</b>	<b>205.573.484</b>
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>(8.464.245.312)</b>	<b>205.573.484</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	87.712.891	87.877.973
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>(8.551.958.203)</b>	<b>117.695.511</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	6.8	<b>(930)</b>	<b>12</b>



**ĐẶNG VÕ THÙY TÂM**  
Người lập biểu



**LÊ THỊ THU TRANG**  
Kế toán trưởng




**LÊ THỊ MỸ HẠNH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm 2016 VND	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	29.227.360.419	4.982.999.526
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(10.092.137.207)	(6.826.078.086)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(11.266.619.632)	(2.984.341.301)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.634.866.882)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	9.922.236.567	5.123.732.894
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.198.886.939)	(47.231.460.028)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.957.086.326</b>	<b>(46.935.146.995)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(142.755.052)	(206.943.266)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.208.899.400)	(12.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.576.063.396	32.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.932.251)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	56.803.800	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.238.834.580	253.616.486
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>7.516.115.073</b>	<b>20.046.673.220</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>12.473.201.399</b>	<b>(26.888.473.775)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>15.637.919.511</b>	<b>42.544.378.513</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(133.657.083)	(17.985.227)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>27.977.463.827</b>	<b>15.637.919.511</b>



**ĐẶNG VÕ THÙY TÂM**  
Người lập biểu



**LÊ THỊ THU TRANG**  
Kế toán trưởng



**LÊ THỊ MỸ HẠNH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động và Chuyên Gia ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301339815 ngày 30 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh lần thứ 07 được cấp ngày 22 tháng 09 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 là 92.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SLC và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 09 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại 635A Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Dịch vụ xuất khẩu lao động và chuyên gia
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Xuất khẩu thực phẩm. Mua bán hải sản, thực phẩm
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Lữ hành trong nước. Lữ hành quốc tế.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Xuất khẩu văn hóa phẩm ra nước ngoài để cung cấp cho người lao động Việt Nam ở nước ngoài. Mua bán hàng điện, điện tử, kim khí điện máy.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn du học
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ dịch thuật, dịch tài liệu, sách báo. Phiên dịch.
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục). Chi tiết: Gia công may da, vải simili, lều bạt, nệm xe hơi.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán nông sản
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán phụ tùng.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Mua bán xe hơi
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Giới thiệu việc làm.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dạy ngoại ngữ (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng – Đoàn thể).

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là giáo dục và xuất khẩu lao động.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 1.5. Cấu trúc của Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Xuất Khẩu Lao Động Và Chuyên Gia tại Vĩnh Long	51A Nguyễn Trung Trực, Phường 8, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
2	Trường trung cấp nghề Suleco	165 Đại lộ 3, Phường Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

### 1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu của năm trước.

### 1.7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 59 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 67 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính đầu tiên của Công ty được bắt đầu từ ngày 25/08/2015 đến ngày 31/12/2015.

Các năm tài chính tiếp theo của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính (Thông tư 200/2014/TT-BTC) và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các giao dịch phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá chuyển khoản do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh công bố tại ngày này (31/12/2016: 22.700 VND/USD và 192,89 VND/JPY).

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Cây lâu năm	6 năm

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 01 - 03 năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương, các khoản lương khoán theo năng suất và phụ cấp đã được thỏa thuận trên Hợp đồng lao động.

### 4.11 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Các quỹ*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 4.14 Doanh thu, thu nhập

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 4.15 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### 4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt		
VND	21.724.470	1.520.851.616
JPY	77.702.072	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
VND	14.146.720.089	13.532.667.365
USD	148.561.966	51.819.090
JPY	1.582.755.230	532.581.440
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	-
	<b>27.977.463.827</b>	<b>15.637.919.511</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền mặt tồn quỹ		
- JPY	402.831	77.702.072
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	6.544,58	148.561.966
- JPY	8.205.481	1.582.755.230
		<b>1.809.019.268</b>

### 5.2 Chứng khoán kinh doanh

	Số cổ phiếu	31/12/2016			01/01/2016			Giá trị hợp lý VND
		Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>								
Công ty cổ phần	705.200	2.586.668.000	(118.468.000)	2.468.200.000	-	-	-	-
Chứng Khoán Phương Đông								
Công ty cổ phần	69.900	1.565.108.400	(831.158.400)	733.950.000	-	-	-	-
Bạc Ông Dầu Khí Việt Nam								
		<b>775.100</b>	<b>4.151.776.400</b>	<b>(949.626.400)</b>	<b>3.202.150.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

<b>5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Hoàn Lộc Việt	6.760.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng Khoán ASC	6.574.000	-
Nghiệp đoàn Global Net	18.264.000	-
Các khách hàng khác	-	789.770.920
	<b>31.598.000</b>	<b>5.789.770.920</b>
<b>5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
<b>Trả trước người bán khác</b>		
Công ty Cổ phần Tư Vấn và Thẩm định Giá Đông Nam	25.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Tin Học Minh Phước	12.540.000	-
Văn Phòng Luật Sư Hoàng Việt Luật	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng Khoán ASC	-	50.000.000
Các nhà cung cấp khác	-	76.266.800
	<b>47.540.000</b>	<b>126.266.800</b>
<b>5.5 Các khoản phải thu khác</b>		
<b>5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Phải thu về cổ phần hóa	493.580.850	493.580.850
Tạm ứng nhân viên	267.590.000	499.250.084
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh	729.545.920	729.545.920
Ông Võ Việt Bằng	100.000.000	-
Lãi ngân hàng trích trước	30.622.222	239.430.324
BHXH, BHYT, BHTN	24.054.097	600.000
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	250.072.303	320.256.396
	<b>1.895.465.392</b>	<b>2.282.663.574</b>
<b>5.5.2 Phải thu dài hạn khác</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	39.460.000.000	39.460.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (dài hạn)	346.997.500	376.997.500
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	486.184.852	-
	<b>40.293.182.352</b>	<b>39.836.997.500</b>
<b>5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn</b>		
<b>5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	104.342.346	414.713.647
	<b>104.342.346</b>	<b>414.713.647</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công cụ, dụng cụ	842.505.855	1.041.832.888
Chi phí sửa chữa	3.076.142.024	4.771.918.891
Lợi thế kinh doanh	16.157.343.827	18.021.652.727
	<b>20.075.991.706</b>	<b>23.835.404.506</b>

### 5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cây lâu năm VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2016	38.274.736.406	3.065.948.888	3.572.292.000	421.827.400	91.070.600	45.425.875.294
Mua mới	142.755.052	-	-	-	-	142.755.052
Tại 31/12/2016	<b>38.417.491.458</b>	<b>3.065.948.888</b>	<b>3.572.292.000</b>	<b>421.827.400</b>	<b>91.070.600</b>	<b>45.568.630.346</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2016	10.078.238.666	765.311.018	2.066.564.170	266.754.097	91.070.600	13.267.938.551
Khấu hao	1.114.122.544	383.495.496	446.536.500	72.098.951	-	2.016.253.491
Tại 31/12/2016	<b>11.192.361.210</b>	<b>1.148.806.514</b>	<b>2.513.100.670</b>	<b>338.853.048</b>	<b>91.070.600</b>	<b>15.284.192.042</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2016	<b>28.196.497.740</b>	<b>2.300.637.870</b>	<b>1.505.727.830</b>	<b>155.073.303</b>	<b>-</b>	<b>32.157.936.743</b>
Tại 31/12/2016	<b>27.225.130.248</b>	<b>1.917.142.374</b>	<b>1.059.191.330</b>	<b>82.974.352</b>	<b>-</b>	<b>30.284.438.304</b>

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 31/12/2016	-	-	-	<b>160.886.000</b>	<b>91.070.600</b>	<b>251.956.600</b>
----------------	---	---	---	--------------------	-------------------	--------------------

### 5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	128.350.000
Mua mới	63.000.000
Tại ngày 31/12/2016	<b>191.350.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2016	33.309.998
Khấu hao trong năm	62.581.661
Tại ngày 31/12/2016	<b>95.891.659</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2016	<b>95.040.002</b>
Tại ngày 31/12/2016	<b>95.458.341</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Công ty TNHH TM DV và Du lịch Trung Thiên	-	20.301.676
Công ty TNHH DV Du lịch Liên Lục Địa	9.572.452	-
Các nhà cung cấp khác	110.000.000	-
	<u>119.572.452</u>	<u>20.301.676</u>

### 5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	01/01/2016	Số phát sinh trong năm			31/12/2016
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp / Kết chuyển VND	Điều chỉnh VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	568.155.977	(112.839.704)	(455.316.273)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.136.645.153	498.221.729	(1.634.866.882)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	193.301.096	626.123.863	(584.990.516)	(22.570.805)	211.863.638
Thuế khác	-	11.335.504	(11.335.504)	-	-
	<u>1.329.946.249</u>	<u>1.703.837.073</u>	<u>(2.344.032.606)</u>	<u>(477.887.078)</u>	<u>211.863.638</u>

### 5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền thuê đất tại số 165, đại lộ 3, Phường Phước Bình, Quận 9	1.461.881.520	398.694.960
Thuê văn phòng tại Nhật	-	45.767.500
Thù lao cộng tác viên	-	37.496.782
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	10.000.000	-
	<u>1.471.881.520</u>	<u>481.959.242</u>

### 5.12 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

#### 5.12.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	176.221.632	163.041.172
Bảo hiểm xã hội	-	30.043.875
Phải trả về cổ phần hóa (*)	493.580.850	493.580.850
Phải trả, phải nộp khác (ngắn hạn)	23.283.580.627	19.997.607.944
<i>Công ty Cổ Phần 101</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Phải nộp lợi nhuận về ngân sách nhà nước (*)</i>	<i>3.212.753.751</i>	<i>3.212.753.751</i>
<i>Quý hỗ trợ sắp xếp Doanh Nghiệp (*)</i>	<i>13.984.181.832</i>	<i>13.984.181.832</i>
<i>Phải trả các tổ chức, cá nhân khác</i>	<i>1.086.645.044</i>	<i>800.672.361</i>
	<u>23.953.383.109</u>	<u>20.684.273.841</u>

(\*) Công ty vẫn chưa quyết toán với Công ty Đầu Tư Tài Chính Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh về những số dư công nợ phải thu, phải trả phát sinh khi Công ty cổ phần hóa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 5.12.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng	950.000.000	950.000.000
Ký quỹ người lao động	7.529.647.500	7.594.147.500
Lãi tiền gửi đặt cọc, ký quỹ tại ngân hàng của tu nghiệp sinh	1.329.905.251	765.630.926
	<b>9.809.552.751</b>	<b>9.309.778.426</b>

### 5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016 VND	Trích lập quỹ VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng	11.769.552	-	-	11.769.552
Quỹ phúc lợi	3.102.490.190	-	-	3.102.490.190
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	955.162.500	-	-	955.162.500
	<b>4.069.422.242</b>	-	-	<b>4.069.422.242</b>

### 5.14 Vốn chủ sở hữu

#### 5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2015	92.000.000.000	-	-	92.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	82.386.857	82.386.857
Trích lập các quỹ	-	23.539.102	-	23.539.102
Số dư ngày 31/12/2015	<b>92.000.000.000</b>	<b>23.539.102</b>	<b>82.386.857</b>	<b>92.105.925.959</b>
Số dư tại 01/01/2016	92.000.000.000	23.539.102	82.386.857	92.105.925.959
Lợi nhuận trong năm	-	-	(8.551.958.203)	(8.551.958.203)
Số dư tại 31/12/2016	<b>92.000.000.000</b>	<b>23.539.102</b>	<b>(8.469.571.346)</b>	<b>83.553.967.756</b>

#### 5.14.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Công ty Cổ Phần Hoàn Lộc Việt	45,66	42.008.000.000	36,00	33.120.000.000
Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà Nước	25,00	23.000.000.000	25,00	23.000.000.000
Công ty Cổ Phần MHC	16,30	15.000.000.000		-
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	5,35	4.924.350.000	21,82	20.072.350.000
Ông Mai Thanh Thanh	0,59	540.000.000		-
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông	0,00	-	14,13	13.000.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Quân	0,00	-	1,30	1.200.000.000
Các cổ đông khác	7,10	6.527.650.000	1,75	1.607.650.000
	<b>100,00</b>	<b>92.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>92.000.000.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

### 5.14.3 Cổ phiếu

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.200.000	9.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.200.000	9.200.000
Cổ phiếu phổ thông	9.200.000	9.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.200.000	9.200.000
Cổ phiếu phổ thông	9.200.000	9.200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

### 5.15 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

#### Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Yên Nhật (JPY)	8.608.312	2.864.111,00
Đô la Mỹ (USD)	6.544,58	2.308,20

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 6.1 Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015 VND
Doanh thu bán vé máy bay	1.273.619.907	-
Doanh thu dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	15.687.199.261	4.175.900.072
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	6.500.000.000	-
Doanh thu dịch vụ khác	54.748.236	6.068.737.337
	<b>23.515.567.404</b>	<b>10.244.637.409</b>
Các khoản giảm trừ:		
Hàng bán trả lại	(4.879.463.227)	(46.575.457)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>18.636.104.177</b>	<b>10.198.061.952</b>

### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015 VND
Giá vốn bán vé máy bay	1.201.766.225	-
Giá vốn dịch vụ đào tạo và xuất khẩu lao động	8.267.648.227	3.914.475.645
Giá vốn trích trước	-	194.400.000
	<b>9.469.414.452</b>	<b>4.108.875.645</b>

### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	571.812.713	493.799.774
Lãi thu được từ bán cổ phiếu và ngoại tệ	157.371.200	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	174.750.000	-
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng	500.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.861.483	-
	<b>1.429.795.396</b>	<b>493.799.774</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

6.4 Chi phí tài chính	Năm 2016	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	949.626.400	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	133.657.083	-
Chi phí tài chính khác	4.355.867	18.612.059
	<b>1.087.639.350</b>	<b>18.612.059</b>
6.5 Chi phí bán hàng	Năm 2016	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.366.705.896	1.738.755.449
Chi phí dụng cụ đồ dùng	25.392.539	2.545.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.995.830	10.877.776
Phí công tác	1.730.400.245	-
Phí tiếp khách	320.783.881	-
Phí dịch vụ thuê ngoài	227.724.932	-
Phân bổ công cụ dụng cụ	125.001.293	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	961.701.547	311.523.075
Chi phí bán hàng khác	140.388.068	32.079.250
	<b>8.025.094.231</b>	<b>2.095.780.954</b>
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2016	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.785.231.550	1.518.651.043
Chi phí đồ dùng văn phòng	427.075.870	186.953.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	433.018.374	227.292.179
Thuế, phí và lệ phí	1.073.522.064	1.300.000
Thuê mặt bằng, văn phòng	1.389.965.633	-
Công cụ dụng cụ	345.293.594	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.305.335.029	-
Phân bổ lợi thế kinh doanh	1.864.308.900	-
Tiền phạt thuế và vi phạm hành chính	305.069.457	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	-	1.563.450.491
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.176.381	765.372.439
	<b>9.947.996.852</b>	<b>4.263.019.584</b>
6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2016	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.464.245.312)	205.573.484
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	2.392.095.117	193.871.849
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	<b>(6.072.150.195)</b>	<b>399.445.333</b>
Thuế suất	20%	22%
Điều chỉnh thuế các năm trước	87.712.891	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>87.712.891</b>	<b>87.877.973</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

Trong năm 2016, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Công ty ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 2762/QĐ-CT-XP ngày 20/06/2016 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

### 6.8 Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.551.958.203)	117.695.511
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	11.769.552
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.551.958.203)	105.925.959
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.200.000	9.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(930)</u>	<u>12</u>

### 6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	10.492.381.401	4.060.393.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.078.835.152	678.989.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.006.837.487	2.172.972.538
Chi phí khác	3.864.451.495	1.096.448.945
	<u>27.442.505.535</u>	<u>8.008.804.158</u>

## 7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 7.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2016	Từ 25/08/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lương, thưởng	1.484.890.000	794.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG VÀ CHUYÊN GIA  
635A Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm*

### 7.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2016) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**ĐẶNG VÕ THÙY TÂM**  
Người lập biểu

**LÊ THỊ THU TRANG**  
Kế toán trưởng



**LÊ THỊ MỸ HẠNH**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017